

DANH MỤC SẢN PHẨM/CÔNG VIỆC CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh)

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
1	CN.KT.01	Lập nhiệm vụ dự toán lập/ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh	- Rà soát cơ sở pháp lý, quy hoạch cấp trên, hiện trạng; - Xác định phạm vi, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ quy hoạch; - Lập dự toán chi phí thực hiện; - Hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định và phê duyệt.	Tờ trình phê duyệt kèm theo dự thảo Quyết định	2	200	150	30	
2	CN.KT.02	Phê duyệt phương án khảo sát lập/ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh	- Kiểm tra sự phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch; - Rà soát quy định pháp luật và tiêu chuẩn khảo sát; - Đánh giá khối lượng, phương pháp khảo sát; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	2	200	160	32	
3	CN.KT.03	Trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch/ điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000; quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh	- Rà soát sự phù hợp với quy hoạch cấp trên và quy định pháp luật; - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cộng đồng; - Phân tích nội dung quy hoạch (không gian, hạ tầng, sử dụng đất...); - Tổng hợp, lập báo cáo thẩm định và dự thảo quyết định phê duyệt.	Tờ trình phê duyệt kèm theo dự thảo Quyết định	3	300	180	36	
4	CN.KT.04	Thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	- Kiểm tra hồ sơ thiết kế quy hoạch; - Đối chiếu quy chuẩn, tiêu chuẩn, PCCC, hạ tầng kỹ thuật; - Đánh giá phương án bố trí quy hoạch; - Lập báo cáo thẩm định quy hoạch.	Báo cáo thẩm định	3	300	180	36	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
5	CN.KT.05	Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	- Kiểm tra hồ sơ thiết kế quy hoạch; - Đối chiếu nội dung đã thẩm định; - Trình phê duyệt quy hoạch.	Quyết định phê duyệt	2	200	160	32	
6	CN.KT.06	Thỏa thuận quy hoạch tổng mặt bằng	- Kiểm tra hồ sơ thiết kế quy hoạch; - Đối chiếu quy chuẩn, tiêu chuẩn, PCCC, hạ tầng kỹ thuật; - Đánh giá phương án bố trí tổng mặt bằng; - Lập văn bản thẩm định và thỏa thuận quy hoạch.	Văn bản thỏa thuận	3	300	180	36	
7	CN.KT.07	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi lĩnh vực xây dựng	- Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ; - Rà soát cơ sở pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn; - Phân tích phương án thiết kế, công nghệ, tổng mức đầu tư; - Đánh giá hiệu quả và tính khả thi dự án; - Lập văn bản thẩm định.	Văn bản thẩm định	3	300	180	36	
8	CN.KT.08	Cấp giấy phép xây dựng	- Tiếp nhận kiểm tra hồ sơ xin phép; - Kiểm tra điều kiện cấp phép theo quy định; - Đối chiếu quy hoạch, chỉ giới xây dựng; - Thẩm định hồ sơ thiết kế; - Soạn thảo và cấp giấy phép xây dựng.	Giấy phép	2	200	60	12	
9	CN.KT.09	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ dự toán các dự án đầu tư công.	- Tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ, dự toán; - Rà soát căn cứ pháp lý và sự cần thiết đầu tư; - Xác định nội dung nhiệm vụ và chi phí; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	2	200	150	30	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
10	CN.KT.10	Thẩm định, phê duyệt phương án khảo sát các dự án đầu tư công.	- Kiểm tra nội dung khảo sát; - Đánh giá khối lượng, phương pháp; - Rà soát quy định pháp luật liên quan; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	2	200	150	30	
11	CN.KT.11	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư công.	- Kiểm tra nội dung nhiệm vụ; - Đối chiếu quy định pháp luật; - Đánh giá phạm vi, mục tiêu nghiên cứu; - Trình phê duyệt nhiệm vụ.	Quyết định phê duyệt	2	200	150	30	
12	CN.KT.12	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư công.	- Kiểm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi; - Phân tích thiết kế, tổng mức đầu tư; - Đánh giá hiệu quả đầu tư; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	3	300	180	36	
13	CN.KT.13	Thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở các dự án đầu tư công.	- Kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật/bản vẽ thi công; - Đối chiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn; - Đánh giá giải pháp kỹ thuật; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	3	300	180	36	
14	CN.KT.14	Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật/ điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án đầu tư công	- Kiểm tra hồ sơ BCKTKT; - Đánh giá thiết kế và dự toán; - Rà soát quy định pháp luật; - Lập báo cáo thẩm định, trình phê duyệt.	Quyết định phê duyệt	3	300	180	36	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
15	CN.KT.15	Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền	Thẩm định lại nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi chỉnh sửa và đối chiếu với kết luận của Hội đồng thẩm định. Nếu nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa đảm bảo thì trả hồ sơ; nếu nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đúng với kết luận của Hội đồng thẩm định thì ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường.	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định	2	200	170	34	
16	CN.KT.16	Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư/cơ sở thuộc thẩm quyền	Kiểm tra hồ sơ, rà soát sự phù hợp của dự án và đối chiếu các quy định hiện hành. Nếu không đủ điều kiện thẩm định thì trả hồ sơ; nếu đủ điều kiện thẩm định thì tham mưu thực hiện thủ tục tiếp theo; Công khai báo cáo GPMT trên Website; Ban hành Văn bản lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; Ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, văn bản thông báo nộp phí thẩm định; Đăng ký lịch công tác và mời họp Hội đồng thẩm định/kiểm tra thực tế; Tổ chức họp thẩm định và soạn thảo biên bản họp/biên bản kiểm tra; Thông báo kết quả thẩm định đến chủ dự án, cơ sở.	Văn bản thông báo kết quả thẩm định	2	200	180	36	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
17	CN.KT.17	Cấp Giấy phép môi trường sau khi chủ dự án đầu tư/cơ sở chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra	Thẩm định lại nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường sau khi chỉnh sửa và đối chiếu với kết luận của Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra. Nếu nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường chưa đảm bảo thì trả hồ sơ; nếu nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường đúng với kết luận của Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra thì cấp Giấy phép môi trường.	Giấy phép	2	200	170	34	
18	CN.KT.18	Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; rà soát căn cứ, lấy ý kiến thẩm định của phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan. Tổng hợp, lập báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	2	200	135	27	
19	CN.KT.19	Cấp Quyết định chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Trên cơ sở báo cáo thẩm định, ban hành quyết định Chủ trương đầu tư/Giấy CNĐKĐT	Quyết định chủ trương/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2	200	135	27	
20	CN.KT.20	Thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ; rà soát căn cứ, lấy ý kiến thẩm định của phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan. Tổng hợp, lập báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	2	200	135	27	
21	CN.KT.21	Cấp Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh	Trên cơ sở báo cáo thẩm định, ban hành quyết định điều chỉnh Chủ trương đầu tư/Giấy CNĐKĐT điều chỉnh	Quyết định chủ trương/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2	200	135	27	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
22	CN.KT.22	Lập đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp chủ trương đầu tư do cơ quan có thẩm quyền lập (<i>trường hợp tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thông qua đấu thầu, đấu giá</i>)	Rà soát quy hoạch và các thủ tục pháp lý liên quan lập đề xuất dự án đầu tư làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án	Công văn đề xuất dự án đầu tư	2	200	135	27	
23	CN.KT.23	Thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (<i>trường hợp tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thông qua đấu thầu, đấu giá</i>)	Rà soát quy hoạch và các quy định liên quan, tổ chức lấy ý kiến thẩm định của Sở ngành. Tổng hợp, lập báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	2	200	135	27	
24	CN.KT.24	Ban hành Quyết định chủ trương đầu tư (<i>dự án thuộc trường hợp tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thông qua đấu thầu, đấu giá</i>)	Trên cơ sở báo cáo thẩm định, ban hành quyết định điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án làm cơ sở tổ chức đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư	Quyết định chủ trương	2	200	135	27	
25	CN.KT.25	Rà soát, hoàn thiện nội dung quảng bá các KKT, KCN phục vụ công tác xác tiến, thu hút đầu tư	Thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời thông tin, tình hình phát triển KKT, KCN để hoàn thiện nội dung quảng bá các KKT, KCN phục vụ công tác xác tiến, thu hút đầu tư	Brochure	2	200	135	27	
26	CN.KT.26	Thẩm định nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và cấp giấy phép lao động	Nghiên cứu quy định của Trung ương, của tỉnh; rà soát các điều kiện về vị trí việc làm cần sử dụng lao động nước ngoài, kiểm tra các hồ sơ liên quan, dự thảo giấy phép	Giấy phép	2	200	150	30	

TT	Mã	Nhiệm vụ	Công việc chi tiết	Sản phẩm đầu ra	Phân nhóm	Khung điểm tối đa	Điểm chấm	Hệ số quy đổi	Ghi chú
27	CN.KT.27	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gian hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại KKT, KCN theo quy định của pháp luật về thương mại	Nghiên cứu quy định của Trung ương, của tỉnh rà soát, kiểm tra các hồ sơ liên quan, dự thảo giấy phép	Giấy chứng nhận/Giấy phép	2	200	150	30	